

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**  
**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**BÌNH AN**

*Biểu mẫu 09*

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025**

| STT | Nội dung                                                                                     | Chia theo khối lớp                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                              |                                                                                              |                                                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                              | Lớp 6                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Lớp 7                                                                                        | Lớp 8                                                                                        | Lớp 9                                                                                        |
| I   | Điều kiện tuyển sinh                                                                         | Hoàn thành chương trình tiểu học<br>Địa bàn: Theo phân tuyến của UBND Quận 8                                                                                                                                                                                                             | Đã học xong lớp 6, đủ điều kiện lên lớp 7 (Xếp loại hai mặt giáo dục ở lớp 6 từ Đạt trở lên) | Đã học xong lớp 7, đủ điều kiện lên lớp 8 (Xếp loại hai mặt giáo dục ở lớp 7 từ Đạt trở lên) | Đã học xong lớp 8, đủ điều kiện lên lớp 9 (Xếp loại hai mặt giáo dục ở lớp 8 từ Đạt trở lên) |
| II  | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện                                            | Theo khung PPCT của Bộ GDĐT năm học 2024-2025 (35 tuần/năm học)                                                                                                                                                                                                                          | Theo khung PPCT của Bộ GDĐT năm học 2024-2025 (35 tuần/năm học)                              | Theo khung PPCT của Bộ GDĐT năm học 2024-2025 (35 tuần/năm học)                              | Theo khung PPCT của Bộ GDĐT năm học 2024-2025 (35 tuần/năm học)                              |
| III | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường và xã hội</li> <li>- Tạo điều kiện cho học sinh đến trường.</li> <li>- Có thái độ học tập đúng đắn, cầu tiến, chăm chỉ.</li> <li>- Thực hiện đúng nội quy học sinh nhà trường ban hành.</li> </ul> |                                                                                              |                                                                                              |                                                                                              |
| IV  | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức sinh hoạt tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp, thể dục thể thao, tham gia các phong trào thi đua theo chủ điểm, tổ chức các hội thi: Tổ chức</li> </ul>                                                                                |                                                                                              |                                                                                              |                                                                                              |

|   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                           |          |
|---|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|   | dục                                                                            | cho học sinh tham gia các câu lạc bộ, dự thi các hội thi cấp quận, tổ chức cho học sinh đi tham quan học tập ngoại khoá.<br>- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). |          |
| V | Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được | *100 % học sinh rèn luyện sức khỏe tốt.                                                                                                                                                                                                   |          |
|   |                                                                                | Lên lớp thẳng                                                                                                                                                                                                                             | Trên 95% |
|   |                                                                                | Kiểm tra lại                                                                                                                                                                                                                              | Dưới 01% |
|   |                                                                                | Lên lớp sau kiểm tra lại                                                                                                                                                                                                                  | Trên 98% |
|   |                                                                                | Lưu ban                                                                                                                                                                                                                                   | Dưới 01% |
|   |                                                                                | Bỏ học                                                                                                                                                                                                                                    | 0.0%     |
|   |                                                                                | Xếp loại học lực                                                                                                                                                                                                                          |          |
|   |                                                                                | + <i>Giỏi, tốt</i>                                                                                                                                                                                                                        | 52.9%    |
|   |                                                                                | + <i>Khá</i>                                                                                                                                                                                                                              | 33.6%    |
|   |                                                                                | + <i>Trung bình</i>                                                                                                                                                                                                                       | 14.3%    |
|   |                                                                                | + <i>Yếu</i>                                                                                                                                                                                                                              | 0.08%    |
|   |                                                                                | + <i>Kém</i>                                                                                                                                                                                                                              |          |
|   |                                                                                | Xếp loại hạnh kiểm                                                                                                                                                                                                                        |          |
|   |                                                                                | + <i>Tốt</i>                                                                                                                                                                                                                              | 89.2%    |
|   |                                                                                | + <i>Khá</i>                                                                                                                                                                                                                              | 9.61%    |
|   |                                                                                | + <i>Trung bình</i>                                                                                                                                                                                                                       | 1.1%     |
|   |                                                                                | + <i>Yếu</i>                                                                                                                                                                                                                              | 0.0%     |
|   |                                                                                | Công nhận TN THCS                                                                                                                                                                                                                         | 100%     |
|   |                                                                                | Tỉ lệ học sinh vào lớp 10 công lập                                                                                                                                                                                                        | 85%      |
|   |                                                                                | Tỉ lệ học sinh tiếp tục học sau lớp 9                                                                                                                                                                                                     | 100%     |
|   |                                                                                | Tỉ lệ học sinh có điểm thi tuyển sinh10 > 5đ                                                                                                                                                                                              |          |
|   |                                                                                | + <i>Văn</i>                                                                                                                                                                                                                              | 82%      |
|   |                                                                                | + <i>Toán</i>                                                                                                                                                                                                                             | 60%      |
|   |                                                                                | + <i>Anh</i>                                                                                                                                                                                                                              | 55%      |
|   |                                                                                | Tỉ lệ HS lớp 8 đăng ký                                                                                                                                                                                                                    | 91.26%   |

|    |                                        |                     |                   |                   |                                   |
|----|----------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|
|    |                                        | học nghề/ tỉ lệ đậu |                   |                   |                                   |
|    |                                        | Hiệu suất đào tạo   |                   | 100%              |                                   |
| VI | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh | Lên lớp 7<br>100%   | Lên lớp 8<br>100% | Lên lớp 9<br>100% | Lưu ban:<br>00%<br>Bỏ học:<br>00% |

Quận 8, ngày 05 tháng 9 năm 2024

 *Phó Trưởng*

**Phó Trọng Huy**

